

Bản án số: 33/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2022

V/v tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Bích Diệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Phạm Thị Yến

Bà Mai Thị Duyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải An, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L; nơi đăng ký thường trú: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Số 76 T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Bùi Nguyên T; nơi đăng ký thường trú: Số 3B, xóm T, phường Đ, Quận N, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Số 12A B, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị và anh Bùi Nguyên T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03 tháng 12 năm 2019. Sau

khi kết hôn, chị và anh T chung sống cùng gia đình anh T tại số 12A B, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh T không có ý thức vun vén, xây dựng hạnh phúc gia đình, mãi chơi, không chung thủy và không quan tâm đến vợ. Mặt khác, mỗi khi vợ chồng cãi nhau, anh T thường có hành vi hành hung làm ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần và danh dự của chị. Mặc dù đã được chị và hai bên gia đình nhiều lần khuyên nhủ, góp ý nhưng anh T vẫn không thay đổi, không sửa chữa khuyết điểm. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên từ đầu năm 2021 đến nay, chị và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không có khả năng đoàn tụ, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Bùi Nguyên T được ly hôn.

Về con chung: Giữa chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Bùi Nguyên T trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị L về thời gian và địa điểm vợ chồng đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, anh và chị L chung sống cùng gia đình anh tại địa chỉ số 12A B, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về vấn đề kinh tế. Từ đầu năm 2022 đến nay, anh và chị L đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị L có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị L vì tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Giữa anh và chị L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Biên bản xác minh ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại Tổ dân phố nơi chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Nguyên T từng chung sống:*

Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Nguyên T kết hôn vào thời gian nào địa phương không nắm được nhưng sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh T tại địa chỉ số 12A B, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không rõ do gia đình sống khép kín, ít giao lưu với hàng xóm, láng giềng. Tuy nhiên, chị L chỉ chung sống cùng gia đình anh T một thời gian ngắn thì không thấy xuất hiện. Nay chị L có đơn xin ly hôn, vì đây là việc riêng của anh chị nên đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Nguyên T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên hiện tại vợ chồng đã ly thân, không còn quan tâm đến nhau, thể hiện hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Bùi Nguyên T.

Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Nguyên T không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm khởi kiện, bị đơn là anh Bùi Nguyên T đang cư trú tại số 12A B, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và bị đơn là anh Bùi Nguyên T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Nguyên T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 03 tháng 12 năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, do phát sinh mâu thuẫn nên từ đầu năm 2022 đến nay, chị L và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Nguyễn Thị L xin được ly hôn với anh Bùi Nguyên T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của anh T nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Nguyên T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 19 và 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Bùi Nguyên T.
2. Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Nguyên T không có con chung nên không xét.
3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật
4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004626 ngày 12 tháng 7 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải An, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải An;
- Chi cục THADS quận Hải An;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Bích Diệp**

